

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. NHA TRANG
TỈNH KHÁNH HÒA

Bản án số: 192 /2017

Ngày: 15- 09 -2017

V/v tranh chấp: Ly hôn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NHA TRANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Hải

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phùng Bá Trung

2. Ông Trần Huy Liên

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Khánh Hà

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Thanh Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 09 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 368/2017/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 04 năm 2017 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 75/2017/QĐXX-ST ngày 07 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Trịnh Hính S**

Địa chỉ: 902 L, phường P, Nha Trang.

2. Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị Băng G**

Địa chỉ: P, xã V, Nha Trang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Trịnh Hính S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và chị Nguyễn Thị Băng G tự nguyện kết hôn, được UBND phường P, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa cấp giấy chứng nhận kết hôn số 15, quyền số 01/1998 ngày 18/02/1998.

Quá trình chung sống giữa chúng tôi thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. Chị G thường hay ghen tuông vô cớ và có những lời lẽ thiếu tế nhị, chửi bới, xúc phạm tôi và xúc phạm cả gia đình tôi. Vì thương con tôi cố gắng nhẫn nhịn, vợ chồng nhiều lần cùng hòa giải với nhau nhưng không đạt kết

quả, mâu thuẫn vẫn ngày một căng thẳng. Đến nay, chúng tôi đã sống ly thân được sáu năm, tình cảm vợ chồng đã sút mẻ quá nhiều không thể hàn gắn được. Vì vậy tôi yêu cầu Tòa án cho tôi được ly hôn chị G.

Về con chung: Chúng tôi có 02 con chung là Trịnh Công H, sinh ngày 07/02/1998 và Trịnh Hoàng Yến N, sinh ngày 09/01/2000. Lúc nay các con vẫn ở với mẹ nên khi ly hôn tôi vẫn yêu cầu giao con cho chị G trực tiếp nuôi dưỡng. Cháu H đã đủ tuổi thành niên, còn đối với cháu N, tôi đồng ý cấp dưỡng cho cháu N 2.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 9/2017 cho đến khi cháu N tròn 18 tuổi.

Về tài sản chung: Tôi không yêu cầu Tòa giải quyết.

Quan điểm của Viện kiểm sát: Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông S và giao con chung là Trịnh Hoàng Yến N cho chị G trực tiếp nuôi dưỡng; ghi nhận sự tự nguyện của ông S về việc cấp dưỡng nuôi cháu N mỗi tháng 2.000.000 đồng kể từ tháng 9/2017 cho đến khi cháu N tròn 18 tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập bị đơn bà Nguyễn Thị Băng G nhiều lần nhưng bà G không đến Tòa. Tòa án cũng đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai để bà G tham gia phiên tòa nhưng bà G vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Trịnh Hính S và bà Nguyễn Thị Băng G tự nguyện kết hôn, được UBND phường P, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa cấp giấy chứng nhận kết hôn số 15, quyển số 01/1998 ngày 18/02/1998. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Theo lời trình bày của ông S, giữa ông S và bà G từ lâu đã xảy ra nhiều mâu thuẫn. Ông S và bà G đã sống ly thân 06 năm nay và đến nay tình cảm của ông S đối với bà G không còn nữa. Hội đồng xét xử thấy rằng mâu thuẫn giữa ông S và bà G đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy chấp nhận yêu cầu của ông S về việc được ly hôn bà G.

Về con chung: Ông S và bà G có 02 con chung là Trịnh Công H, sinh ngày 07/02/1998 và Trịnh Hoàng Yến N, sinh ngày 09/01/2000. Con chung Trịnh Công H đã trên 18 tuổi nên Hội đồng xét xử không xem xét. Ông S yêu cầu giao con chung dưới 18 tuổi là cháu Trịnh Hoàng Yến N cho bà G trực tiếp nuôi dưỡng vì từ lâu nay cháu G vẫn ở với mẹ. Cháu N cũng trình bày với Tòa nguyện vọng của cháu là được ở với mẹ nếu cha mẹ ly hôn. Yêu cầu của ông S về việc giao cháu N cho bà G trực tiếp nuôi dưỡng là có căn cứ pháp luật, phù

hợp với điều kiện, hoàn cảnh thực tế của các bên và phù hợp với nguyện vọng của cháu N, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận. Theo quy định của pháp luật, sau ly hôn cha mẹ vẫn phải có trách nhiệm đối với con chung, người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, do đó Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của ông S về việc cấp dưỡng nuôi cháu N mỗi tháng 2.000.000 đồng kể từ tháng 9/2017 cho đến khi cháu Nhi tròn 18 tuổi.

Về tài sản chung: Ông S và bà G không yêu cầu Tòa giải quyết về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Án phí: Nguyên đơn ông Trịnh Hính S phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) và án phí dân sự sơ thẩm của người có nghĩa vụ cấp dưỡng là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*). Như vậy, ông S phải chịu số tiền án phí sơ thẩm tổng cộng là 600.000 đồng (*sáu trăm nghìn đồng*) nhưng được trừ vào 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2016/0006442 ngày 13 tháng 04 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Nha Trang nên ông S còn phải nộp số tiền là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*).

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự,

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình;

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Ông Trịnh Hính S được ly hôn bà Nguyễn Thị Băng G.

2. Về con chung: Giao con chung là Trịnh Hoàng Yến N, sinh ngày 09/01/2000 cho bà Nguyễn Thị Băng G trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Ông Trịnh Hính S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con với mức cấp dưỡng là 2.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 9/2017 cho đến khi cháu N tròn 18 tuổi.

Ông S được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Trong quá trình nuôi dưỡng con chung, nếu xét thấy cần thiết, ông S và bà G đều có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung cũng như yêu cầu thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung: Ông S và bà G không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Nguyên đơn Ông Trịnh Hính S phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) và án phí dân sự sơ thẩm của người có nghĩa vụ cấp dưỡng là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*). Tổng cộng ông S phải chịu 600.000 đồng (*sáu trăm nghìn đồng*) tiền án phí sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2016/0006442 ngày 13 tháng 04 năm 2017 của

Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Nha Trang nên ông S còn phải nộp số tiền là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*).

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết để đề nghị Tòa án cấp trên xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa
- VKSND TP.Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa
- Chi cục THA dân sự TP.NT, tỉnh Khánh Hòa
- UBND phường P, Nha Trang
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ, văn phòng

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Phạm Thị Thanh Hải